| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH HÀ TĨNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 20/2024/QĐST-HNGĐ | *Hà Tĩnh, ngày 06 tháng 9 năm 2024,* |

# QUYẾT ĐỊNH
# GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
# (V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

**Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình:**

*Thẩm phán chủ tọa phiên họp*: Ông Bùi Quang Năng

*Thư ký ghi biên bản phiên họp*: Bà Trần Thị Thúy Hạnh

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp*: Ông Nguyễn Văn Quyết- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 142/2024/TLST-HNGĐ ngày 15/7/2024, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", theo Quyết định mở phiên họp số 18/2024/QĐ-TA ngày 26 tháng 8 năm 2024, bao gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:*

1. Anh Ngyễn Sỹ T; Hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã P, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt tại phiên họp)

2. Chị Lê Thị Hoài A; Nơi ĐKHKTT trước khi xuất cảnh: Khối H, phường H, TP V, tỉnh Nghệ An. Hiện đang cư trú tại: Neu Grottkauer S 8,12619, B, Cộng hòa liên bang Đ (vắng mặt tại phiên họp).

*Người tham gia tố tụng khác*: Bà Thái Thị Đ1, địa chỉ: Tổ dân phố I, phường B, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt tại phiên họp).

## NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo Đơn yêu cầu thuận tình ly hôn, Bản tự khai của anh Nguyễn Sỹ T và chị Lê Thị Hoài A cũng như các tài liệu khác, vụ việc có nội dung như sau:

1. *Quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn Sỹ T và chị Lê Thị Hoài A trình bày thống nhất như sau: Anh và chị đăng ký kết hôn vào ngày 09/12/2019 tại T1 tại Frankfủt am M, Cộng hòa liên bang Đ. Việc kết hôn tự nguyện, đúng quy định.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống tại Cộng hòa liên bang Đ. Cuộc sống hạnh phúc đến tháng 01 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên tranh cãi. Mặc dù cả hai đều cố gắng để chung sống hạnh phúc, nhưng không có kết quả. Tháng 6/2023 vợ chồng sống ly thân. Nay, anh T và chị A xác định tình cảm không còn, không mong muốn tiếp tục duy trì quan hệ vợ chồng nên cả hai đều có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh công nhận thuận tình ly hôn.

*2. Quan hệ con chung*: Vợ chồng không có con chung.

*3. Quan hệ tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp, anh Nguyễn Sỹ T và chị Lê Thị Hoài A vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau, đề nghị Tòa án áp dụng khoản 2 Điều 29, các Điều 35, 37, 39, 361, 367, 369, 370, 371, 149, 464, 469 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 3 Điều 2, Điều 19, 51, 55, 123 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 1 Điều 39, Điều 464, 469; Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQHH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Sỹ T và chị Lê Thị Hoài A. Về lệ phí giải quyết việc Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận sự tự nguyện nộp lệ phí ly hôn sơ thẩm của anh Nguyễn Sỹ T.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình đã được thẩm tra tại phiên họp và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Anh Nguyễn Sỹ T và chị Lê Thị Hoài A có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh giải quyết việc hôn nhân gia đình, anh T có hộ khẩu thường trú tại xã P, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Chị Lê Thị Hoài A có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân tỉnh giải quyết việc hôn nhân. Tại thời điểm thụ lý, chị Lê Thị Hoài A đang cư trú tại nước ngoài (có xác nhận của Đ2 tại Cộng hòa liên bang Đ). Căn cứ quy định tại các Điều 29, 35, 37, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Các tài liệu chứng cứ của chị Lê Thị Hoài A gửi về qua đường bưu điện đã được chứng thực bởi cơ quan có thẩm quyền tại nước ngoài đã được kiểm tra tại phiên họp công khai chứng cứ là tài liệu hợp pháp.

[1.3] Tại phiên họp, anh Nguyễn Sỹ T và chị Lê Thị Hoài A vắng mặt, tuy nhiên anh T, chị A đã có yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết và ủy quyền việc giao nhận tài liệu chứng cứ cho bà Thái Thị Đ1. Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho anh T, chị A thông qua người được ủy quyền

giao nhận tài liệu chứng cứ đúng quy định. Căn cứ khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt người yêu cầu theo thủ tục chung.

[2.] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Sỹ T và chị Lê Thị Hoài A tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đã tuân thủ các điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn vào ngày ngày 09/12/2019 tại T1 tại Frankfủt am M, Cộng hòa liên bang Đ. Căn cứ quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 02/2016/TTLT-BNG-BTP, ngày 30/6/2016 của Bộ N, Bộ tư pháp hướng dẫn việc đăng ký và quản lý hộ tịch tại cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài, quan hệ hôn nhân của anh Nguyễn Sỹ T và chị Lê Thị Hoài A là hợp pháp.

Xác định tình trạng hôn nhân của anh T và chị A thấy rằng: Theo trình bày của hai anh chị, thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ tháng 01/2023 và đến tháng 6/2023 thì sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, vợ thường xuyên tranh cãi. Cả hai đều xác định tình cảm không còn, không mong muốn tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân, có nguyện vọng được ly hôn.

Như vậy, vợ chồng đã không thực hiện nghĩa vụ "*Thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẽ thực hiện các công việc trong gia đình*" (Khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình) và "không cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc", mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự.

[3] Quan hệ con chung: Vợ chồng trình bày không có con chung nên Tòa án không xem xét.

[4] Quan hệ tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân và gia đình: Anh Nguyễn Sỹ T tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 29, 35, 37, 39, 361, 367, 369, 370, 371, 149 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 3 Điều 2, Điều 19, 51, 55, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Điều 35, 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Sỹ T và chị Lê Thị Hoài A.

2. Về lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình: Chấp nhận sự tự nguyện nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm của anh Nguyễn Sỹ T (đã nộp tại biên lai số 0000017 ngày 15/7/2024 tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh).

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên

trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 06/9/2024.

***Nơi nhận:***
- *TAND cấp cao;*
- *VKSND tỉnh Hà Tĩnh;*
- *Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;*
- *Nơi thực hiện ĐKKH;*
- *Đương sự; Lưu.*

**THẨM PHÁN- CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP**

**Bùi Quang Năng**